

KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì 1 môn Khoa học tự nhiên, lớp 6

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra học kì 1 khi kết thúc nội dung:

Chủ đề 8. Đa dạng thế giới sống – Bài 18: Đa dạng nấm (tiết 1)

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

- **Cấu trúc:**

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 10 câu, thông hiểu: 6 câu), mỗi câu 0,25 điểm;

- Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,5 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

- Nội dung nửa đầu học kì 1: 25% (2,5 điểm): Từ chủ đề 1 đến chủ đề 6 (từ bài 1 đến bài 10)

- Nội dung nửa học kì sau: 75% (7,5 điểm): Từ chủ đề 6,7,8 (Từ bài 11 đến bài 18 - tiết 1)

b, Bảng ma trận.

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. Mở đầu (7 tiết)		1								1	0,25
2. Các phép đo (10 tiết)		2		2						4	1,0
3. Các thể của chất (5 tiết)		1								1	0,25
4. Oxygen và không khí (3 tiết)		1								1	0,25
5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm (7 tiết) (giữa kỳ I = 32 tiết)				2						2	0,5
6. Hỗn hợp (5 tiết)		3		1						4	1,0
7. Tế bào (15 tiết)		1	1(1,5đ)		1(2đ)				1	1	3,75
8. Đa dạng thế giới sống - Virus và vi khuẩn (12 tiết)	1(1,5đ)	1		1			1(1đ)		1	2	3,0
Số số ý / câu	2/(1)	10	2/(1)	6	2/(1)		1/(1)		2	16	18
Điểm số	1,5	2,5	1,5	1,5	2,0	0	1,0	0	6,0	4,0	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
Chủ đề 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành. (7 tiết)				1		C1
1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên.	Nhận biết	– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.		1		C1
		– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
	Thông hiểu	– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.				
		– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.				
2. Một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn	Nhận biết	– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...).				
		– Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
trong phòng thực hành		– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.				
	Thông hiểu	– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				
		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.				
Chủ đề 2: Các phép đo (10 tiết)				4		C2-5
3.1.Đo chiều dài	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật.		1		C2
		- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.		1		C3
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.				
	Vận dụng	- Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước.				
		- Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.				
		- Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
3.2. Đo khối lượng	Nhận biết	- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.				
	Thông hiểu	- Hiểu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật.		1		C4
		- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.		1		C5
	Vận dụng	- Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân.				
		- Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.				
		- Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				
3. 3.Đo thời gian	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.				
		- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.				
	Thông hiểu	- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
4. Đo nhiệt độ		đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.				
	Vận dụng	- Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.				
		- Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				
	Nhận biết	- Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.				
		- Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.				
		- Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.				
		- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.				
		- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
	Vận dụng	- Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế.				
		- Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				
	Vận dụng cao	- Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại.				
Chủ đề 3: Các thể của chất (5 tiết)				1		C6
5. Sự đa dạng của chất	Nhận biết	Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn, lỏng, khí		1		C7
	Thông hiểu	- Nêu được ví dụ chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.				
		– Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.				
		- So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.				
6. Tính chất và sự chuyển thể	Nhận biết	Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.				
	Thông hiểu	– Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
của chất		– Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi.				
	Vận dụng	– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.				
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.				
	Vận dụng cao	- Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.				
Chủ đề 4: Oxygen và không khí (3 tiết)				1		C7
7. Oxygen và không khí	Nhận biết	– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).		1		C7
		– Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.				
	Thông hiểu	– Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.				
		– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
		– Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
	Vận dụng	– Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.				
		– Tìm hiểu được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.				
	Vận dụng cao	- Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.				
		– Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
Chủ đề 5: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm (7 tiết)				2		C8,9
8. Một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng	Thông hiểu	– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,...		1		C8
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ...				
	Vận dụng	– Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng.				
		– Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		– Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu.				
	Vận dụng cao	Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.				
9. Một số lương thực – thực phẩm thông dụng	Thông hiểu	– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống.		1		C9
	Vận dụng	– Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của lương thực – thực phẩm thông dụng.				
		– Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số lương thực – thực phẩm.				
	Vận dụng cao	- Đưa ra được cách sử dụng, bảo quản một số lương thực, thực phẩm an toàn, hiệu quả và bảo đảm sức khỏe.				
Chủ đề 6: Hỗn hợp (6 tiết)				4		C10-13
10. Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch	Nhận biết	– Nêu được khái niệm hỗn hợp, dung dịch, dung môi, huyền phù, nhũ tương...				
		– Nêu được khái niệm chất tinh khiết.				
		– Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch.		1		C10
		– Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.		1		C11

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
	Thông hiểu	- Phân biệt được dung môi và dung dịch,				
		– Phân biệt được chất và hỗn hợp chất , hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.		1		C12
		– Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.				
	Vận dụng	– Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.				
	Nhận biết	– Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.		1		C13
	Vận dụng	– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi là gì.				
		– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung dịch là gì.				
11. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	Thông hiểu	– Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.				
	Vận dụng	– Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.				
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
Chủ đề 7: Tế bào (12 tiết)			4 ý	1	C17	C14

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
12. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống:	Nhận biết:	- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.				
		- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.				
		- Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.		1		C14
		- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.				
	Thông hiểu:	- Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào).	1 ý			C17
		- Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào).	1 ý			C17
		- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.				
		- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.				
		- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào).				
	Vận dụng:	Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				
13. Từ tế bào đến cơ	Thông hiểu:	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
thể:		đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa.				
		- Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).				
	Vận dụng:	- Thực hành: + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...);				
		+ Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh;	2 ý		C17	
		+ Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.				
	Vận dụng cao	- Giải thích hiện tượng thực tế				
Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (9 tiết)			3 ý	2	C18	C15,16
14. Phân loại thế giới sống.	Nhận biết:	- Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.				
		- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
	Thông hiểu:	- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ cho mỗi giới.				
		- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.				
		- Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.				
15. Khoá lưỡng phân	Vận dụng:	Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.				
16. Virus và vi khuẩn:	Nhận biết:	Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.	1 ý		C18	
		- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn.	1 ý		C18	
		- Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.				
	Thông hiểu:	- Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).				
		- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		- Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus và vi khuẩn trong thực tiễn.				
	Vận dụng:	- Thực hành quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học.				
		- Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...)	1 ý			
	Vận dụng cao:	- Biết cách làm sữa chua, ...				
17. Đa dạng nguyên sinh vật	Nhận biết:	Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.				
	Thông hiểu:	- Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).				
		- Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.				
		- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.				
	Vận dụng:	Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.				
	Nhận biết:	Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.		1		C15

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
	Thông hiểu:	- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.		1		C16
18. Đa dạng nấm		- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).				
		- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.				
	Vận dụng:	Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).				
	Vận dụng cao:	Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...	1 ý		C18	

ĐỀ KIỂM TRA

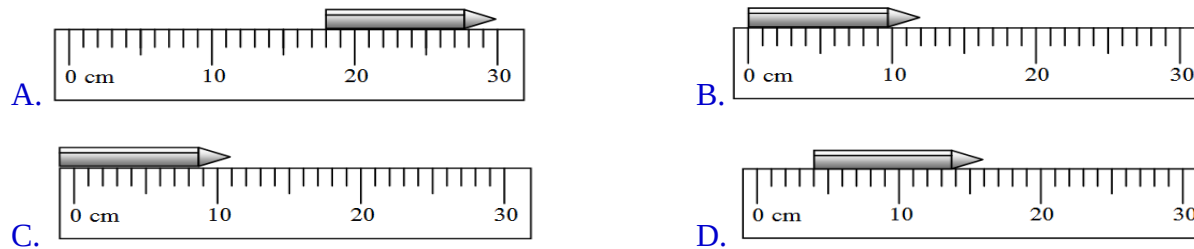
I/ TRẮC NGHIỆM

Lựa chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1: Khoa học tự nhiên là:

- A. Là khoa học nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, xã hội để tìm ra các tính chất, các quy luật của chúng.
- B. Là một lĩnh vực khoa học nghiên cứu các hiện tượng trong đời sống, tìm ra các tính chất, các quy luật của chúng.
- C. Là một nhánh của khoa học nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, tìm ra các tính chất, các quy luật của chúng.
- D. Là một nhánh của khoa học nghiên cứu các vấn đề xảy ra trong tự nhiên và đời sống để tìm ra quy luật chung.

Câu 2: Đo chiều dài của chiếc bút chì theo cách nào sau đây là hợp lí nhất?



Câu 3. Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để:

- A. lựa chọn thước đo phù hợp.
- B. đặt mắt đúng cách.
- C. đọc kết quả đo chính xác.
- D. đặt vật đo đúng cách.

Câu 4. Chiều dài của chiếc bút chì ở hình vẽ bằng:



- A. 6,6 cm
- B. 6,7 cm
- C. 6,8 cm
- D. 6,9 cm

Câu 5. Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để:

- A. lựa chọn thước đo phù hợp.
- B. đặt mắt đúng cách.
- C. đọc kết quả đo chính xác.
- D. đặt vật đo đúng cách.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây nói **đúng** về đặc điểm của chất rắn?

- A. Có khối lượng, hình dạng và thể tích không xác định.
- B. Không có khối lượng, hình dạng và thể tích không xác định.

C. Có khối lượng, hình dạng và thể tích xác định.

D. Không có khối lượng, hình dạng và thể tích xác định. **Câu 7. Phát biểu nào sau đây về oxygen là không đúng?**

A. Oxygen không tan trong nước.

B. Oxygen không mùi và không vị.

C. Oxygen cần thiết cho sự sống.

D. Oxygen cần cho sự đốt cháy nhiên liệu.

Câu 8. Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

A. Thủy tinh.

B. Than đá.

C. Cao su.

D. Kim loại.

Câu 9: Lứa tuổi từ 11-15 tuổi có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao. Chất quan trọng nhất cho sự phát triển của xương là:

A. chất béo.

B. protein.

C. calcium.

D. carbohydrate.

Câu 10. Chất khí nào có nhiều trong không khí gây mưa axit

A. Oxygen

B. Cacbon đi oxit

C. Nitrogen

D. Sulfur đi oxit

Câu 11: Chất nào sau đây tan nhiều trong nước nóng?

A. Muối ăn.

B. Nến.

C. Khí carbon dioxide.

D. Dầu ăn.

Câu 12: Hỗn hợp nào sau đây không được xem là dung dịch?

A. Hỗn hợp nước muối.

B. Hỗn hợp nước đường.

C. Hỗn hợp bột mì và nước khuấy đều.

D. Hỗn hợp nước và rượu.

Câu 13: Muốn hòa tan được nhiều muối ăn vào nước, ta **không nên** sử dụng phương pháp nào dưới đây?

A. Vừa cho muối ăn vào nước vừa khuấy đều.

B. Nghiền nhỏ muối ăn.

C. Đun nóng nước .

D. Bỏ thêm đá lạnh vào.

Câu 14: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào **không** mang ý nghĩa nào sau đây?

A. Là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật.

B. Là dấu hiệu cho thấy cơ thể đã đến tuổi sinh sản.

C. Giúp thay thế các tế bào già đã chết.

D. Giúp thay thế các tế bào bị tổn thương ở sinh vật.

Câu 15: Trong số các tác hại sau, tác hại nào không phải do nấm gây ra?

A. Gây bệnh nấm da ở động vật.

B. Làm hư hỏng thực phẩm, đồ dùng.

C. Gây bệnh viêm gan B ở người.

D. Gây ngộ độc thực phẩm ở người.

Câu 16: Loại nấm nào dưới đây là nấm đơn bào?

- A. Nấm hương B. Nấm mỡ
- C. Nấm men D. Nấm linh chi

II. Tự luận

Câu 17.

- 1) Các tế bào thực vật và tế bào động vật đều có cấu tạo gồm mấy phần chính? Mỗi thành phần đó có chức năng gì?
- 2) Em hãy quan sát một cây xanh trong sân trường hay lớp học và cho biết cây đó có những cơ quan nào?

Câu 18.

- 1) Hãy kể tên một số bệnh ở người do vi khuẩn và vi rút gây ra.
- 2) Cấu tạo của một vi rút điển hình gồm những bộ phận chính nào?
- 3) Vì sao đeo khẩu trang và rửa tay đúng cách lại giúp hạn chế lây lan dịch Covid?
- 4) Bạn Lan đi chơi cùng một nhóm bạn vô tình bắt gặp một khóm nấm rất đẹp. Lan rủ các bạn hái về để ăn. Theo em bạn làm vậy có đúng không? Vì sao?